TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-PT
Ngày 18 - 6- 2018
"V/v:Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Võ Hoàng Khải

Ông Phạm Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Ngọc Thắm – Thư ký Tòaán nhân dân tỉnh H

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Ông Nguyễn Đồng Khởi - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2018, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 09/2018/TLPT-HNGĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2018 về "Xin ly hôn".

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 22/2018/HNGĐ-ST,ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2018/QĐ-PTngày 10 tháng 5 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa xét xử phúc thẩm số 52/2018/QĐ-PT ngày 30/5/2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Trần Thị Cẩm L, sinh năm: 1996; HKTT: Ấp H, xã Y, huyện G, tỉnh Kiên Giang; chổ ở hiện nay: Ấp T, xã A, huyện V, tỉnh Hậu Giang. (có mặt)

2.Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh M, sinh năm: 1987; HKTT: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang; chổ ở hiện nay: Ấp 8, xã A, huyện V, tỉnh Hậu Giang (có mặt)

Do có kháng cáo của: Bị đơn - anh Nguyễn Thanh M

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm L trình bày: Chị và anh M tự nguyện làm lễ cưới vào năm 2013, đến ngày 06/10/2014 anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Phương N (giới tính: nữ), sinh ngày xx/x/xxx, hiện đang sống với anh M. Về tài sản chung; vợ chồng có 20 chỉ vàng 9999 (vàng cưới), chị đã dùng 15 chỉ vàng mua sữa, quần áo cho con và vật dụng trong gia đình. Chị đồng ý chia cho anh M 2,5 chỉ vàng 9999. Do bất đồng quan điểm nên đời sống vợ chồng không hạnh phúc.Vì vậy chị L yêu cầu ly hôn với anh M, yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn trình bày: Anh M thống nhất lời trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân, con chung, vợ chồng không có nợ chung. Vợ chồng có tài sản chung là 20 chỉ vàng 9999 (vàng cưới), việc chị L tự ý chi sài số vàng này anh không biết nên khi ly hôn anh yêu cầu chị L giao lại cho anh 10 chỉ vàng 9999. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh M thống nhất số vàng cưới đã chi sài hết 15 chỉ trong thời kỳ hôn nhân, còn lại 05 chỉ vàng 9999 anh đồng ý giao cho chị L sở hữu toàn bộ. Anh M thống nhất ly hôn với chị L và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Phương N (giới tính: nữ), sinh ngày xx/x/xxx đến khi trưởng thành, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số22/2018/HNGĐ-ST, ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Cẩm L với anh Nguyễn Thanh M.

Về con chung: Cho chị Trần Thị Cẩm L được nuôi cháu Nguyễn Thị Phương N (giới tính: nữ), sinh ngày xx/x/xxx. Anh Nguyễn Thanh M có trách nhiệm giao cháu Nguyễn Thị Phương N cho chị L nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thanh M có quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu nên anh M chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị Cẩm L được sở hữu 05 (năm) chỉ vàng 9999 chị L đang giữ.

Về nợ chung: Chị L, anh M thống nhất không có, không yêu cầu nên không xem xét

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định.

Ngày05/02/2018, anh Nguyễn Thanh M có đơn kháng cáo yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm,anh M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụán, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa,ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]ChịTrần Thị Cẩm L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh M, yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh m cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật, anh M cư trú trên địa bàn huyện V nên Tòa án nhân dân huyện V thụ lý, giải quyết với quan hệ pháp luật "Xin ly hôn" là đúng qui định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày05/02/2018 anh Nguyễn Thanh M có đơn kháng cáo đúng qui định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3]Xét kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thanh M: Anh M yêu cầu được trực tiếp nuôi con vì anh cho rằng chị L đi làm không có thời gian chăm sóc con, thu nhập của chị L không đảm bảo cho việc nuôi con ngoài ra nơi chị L ở cách xa trường học, không thuận tiện cho việc học tập của con.

[3.1] Xem xét điều kiện nuôi con: Qua kết quả xác minh, chị L hiện tại có thu nhập ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc con. Anh M cho rằng chị L đi làm không có thời gian chăm sóc con, thu nhập của chị L không đảm bảo nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị L đi làm tạo thu nhập lo cho cuộc sống bản thân và gia đình là điều tất yếu, ngoài thời gian làm việc chị hoàn toàn có đủ điều kiện chăm sóc con vì chị L sáng đi làm chiều về nhà cũng như tất cả mội người trong xã hội. Về mức thu nhập thì ngoài thu nhập từ việc làm tại công ty 4.500.000 đồng/tháng, chị L còn có thu nhập từ ruộng được cha mẹ chị cho. Mặt khác, bé Nguyễn Thị Phương N sinh ngày 01/4/2015 còn rất nhỏ chỉ mới 03 tuổi 02 tháng lại là con gái rất cần sự chăm sóc từ mẹ. Vì sự phát triển ổn định, toàn diện về thể chất, tinh thần của bé N, Hội đồng xét xử thấy rằng tiếp tục để chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bé N đến khi trưởng thành là phù hợp. Do đó yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thanh M về trực tiếp nuôi con không được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bảnán sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hộiđồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Thanh M phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1Điều 308 Bộ luậttố tụngDân sự năm 2015;

- Điều51, khoản 1 Điều 56, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 củaỦy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụngán phí và lệ phí Tòaán"

Không chấp nhậnkháng cáo của anh Nguyễn Thanh M.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Cẩm L với anh Nguyễn Thanh M.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Cẩm L được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Phương N (giới tính: nữ), sinh ngày xx/x/xxx. Anh Nguyễn Thanh M có trách nhiệm giao con chung tên Nguyễn Thị Phương N cho chị L nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thanh M có quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu nên anh M chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Thanh M phải nộp 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tam ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015688 ngày 05/02/2018 của Chi cục thi hànhán dân sự huyệnV thành án phí.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự."

Bảnán phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày18/6/2018.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang
- TAND H. V
- Chi cục THADS H. V
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Dương Quốc Tuấn